



lí míng

黎明

Noun · dawn; daybreak

Example Sentences

lí míng shí tiān liàng le
黎明时，天亮了。

At dawn, the sky becomes light.

nǐ jiàn guò chéng shì zài lí míng shí fēn sū xǐng de yàng zi ma
你见过城市在黎明时分苏醒的样子吗？

Have you ever seen the city waking up at dawn?

wǒ men jì huà zài lí míng qián chū fā qù pá shān
我们计划在黎明前出发去爬山。

We plan to set off for mountain climbing before dawn.

Trace each character, then write the word on your own.

黎	黎	黎	黎	黎	黎	黎	黎	黎	黎	黎
黎	黎	黎	黎	黎	黎	黎				
明	明	明	明	明	明	明	明	明	明	明